



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

0112506
ÔNG T
NHIỆM VỤ
LOIT
ỆT NA
ĐA - TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



Lê Doãn Long

Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 541 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.233.341.201	100.738.405.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.888.158.728	44.638.058.202
1. Tiền	111		5.888.158.728	1.738.058.202
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	42.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	29.715.528.893
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	29.715.528.893
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.667.575.423	24.033.121.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	22.068.542.525	23.766.614.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		237.310.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	506.329.180	707.166.281
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.144.606.282)	(440.659.103)
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.129.596.739	2.124.206.143
1. Hàng tồn kho	141		2.129.596.739	2.124.206.143
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		548.010.311	227.490.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		506.565.332	209.195.648
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	41.444.979	18.294.979
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.866.318.476	160.213.505.789
I. Tài sản cố định	220		203.180.450.435	143.673.944.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	202.896.749.335	143.311.071.287
- Nguyên giá	222		495.891.573.044	404.875.496.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(292.994.823.709)	(261.564.425.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227		283.701.100	362.873.500
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.160.900)	(32.988.500)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.000.000	1.803.355.550
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.000.000	1.803.355.550
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	4.860.000.000	4.860.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.776.868.041	9.876.205.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.776.868.041	9.876.205.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		256.099.659.677	260.951.911.298

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.826.775.276	25.857.591.819
I. Nợ ngắn hạn	310		19.826.775.276	25.857.591.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.375.659.075	2.956.043.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.672.585	461.572.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	888.177.408	2.455.780.364
4. Phải trả người lao động	314		11.794.558.028	13.590.556.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.500.000.000	2.500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.206.034.420	3.893.639.223
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.673.760	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.272.884.401	235.094.319.479
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	236.272.884.401	235.094.319.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.100.884.401	19.922.319.479
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		159.059.330	56.691.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.941.825.071	19.865.627.660
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		256.099.659.677	260.951.911.298




Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng




Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc/
Thành viên Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	165.843.481.765	164.175.936.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		165.843.481.765	164.175.936.909
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	124.712.028.677	127.221.557.183
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.131.453.088	36.954.379.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.092.778.604	2.726.576.251
7. Chi phí tài chính	22		637.165.606	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		419.831.703	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	17.947.303.655	16.841.080.036
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		24.639.762.431	22.839.875.941
10. Thu nhập khác	31	20	1.573.794.045	2.194.532.076
11. Chi phí khác	32		161.879.026	136.452.443
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.411.915.019	2.058.079.633
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.051.677.450	24.897.955.574
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	5.109.852.379	5.032.327.914
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		20.941.825.071	19.865.627.660
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	798	785


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng


Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc/
Thành viên Hội đồng quản trị



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.051.677.450	24.897.955.574
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.509.570.946	31.148.251.161
Các khoản dự phòng	03	703.947.179	(320.749.323)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.092.778.604)	(4.007.229.450)
Chi phí lãi vay	06	419.831.703	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.592.248.674	51.718.227.962
Biến động các khoản phải thu	09	1.661.599.042	(5.267.221.360)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.390.596)	714.038.831
Biến động các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.245.310.209)	(1.273.172.070)
Biến động chi phí trả trước	12	(198.032.273)	415.116.050
Tiền lãi vay đã trả	14	(419.831.703)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.487.781.317)	(5.124.796.083)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.889.093.545)	(4.838.133.017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.008.408.073	36.352.160.313
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(90.639.476.594)	(18.997.869.051)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.803.355.550	168.545.455
3. Tiền chi cho đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(46.000.000.000)	(11.865.553.083)
4. Tiền thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	75.715.528.893	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.574.196.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	2.557.594.794
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.092.778.604	2.726.576.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.027.813.547)	(27.984.901.634)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	22.742.829.255	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.742.829.255)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.730.494.000)	(8.811.522.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(18.730.494.000)	(8.811.522.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(30.749.899.474)	(444.263.321)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.638.058.202	45.082.321.523
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	13.888.158.728	44.638.058.202

Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng



Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc/
Thành viên Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 503 (31 tháng 12 năm 2016: 504).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dất và dịch vụ hàng hải

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

010
C
RÁC
D
V
01/01

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí nạo vét được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi

01/11/2011

nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	481.972.222	331.809.576
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.406.186.506	1.406.248.626
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	42.900.000.000
	<u>13.888.158.728</u>	<u>44.638.058.202</u>

(i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Nhật Việt	3.601.938.325	4.015.689.444
Công ty Cổ phần Vận Tải Biển GL (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Đại Tây Dương)	1.093.128.106	2.887.850.280
Công ty Cổ phần Xi Măng Sông Lam	2.453.293.377	252.986.042
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	906.642.884	1.506.642.884
Công ty Cổ phần Vận Tải 1 TRACO	1.605.360.646	2.864.714.340
Các khách hàng khác	12.408.179.187	12.238.731.476
	<u>22.068.542.525</u>	<u>23.766.614.466</u>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	82.745.228	-
	<u>82.745.228</u>	<u>-</u>

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bắc Sơn	429.444.738	-	429.444.738	128.833.421
Công ty Cổ phần ánh Dương	132.306.698	-	132.306.698	132.306.698
Các khách hàng khác	604.139.715	21.284.869	735.710.976	595.663.190
	1.165.891.151	21.284.869	1.297.462.412	856.803.309

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	-	76.361.252
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.716.667	231.844.444
Chi phí khắc phục sự cố (i)	374.344.489	-
Phải thu khác	120.268.024	398.960.585
	506.329.180	707.166.281

- (i) Phản ánh số tiền dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gãy cần cầu chân đế số 1 Xí nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QLNV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.812.525.460	-	1.872.683.120	-
Công cụ, dụng cụ	317.071.279	-	251.523.023	-
Cộng	2.129.596.739	-	2.124.206.143	-

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết (i)				
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
Cộng	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-

- (i) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36% tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai dất hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong năm:

Năm 2017

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/Bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Các loại thuế khác	18.294.979	181.258.395	204.408.395	41.444.979
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	18.294.979	181.258.395	204.408.395	41.444.979
Cộng	18.294.979	181.258.395	204.408.395	41.444.979
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.044.745.332	9.510.704.789	9.700.378.807	855.071.314
<i>- Thuế GTGT đầu ra</i>	1.044.745.332	9.510.704.789	9.700.378.807	855.071.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.035.032	5.109.852.379	6.487.781.317	33.106.094
Các loại thuế khác	-	2.052.242.000	2.052.242.000	-
<i>- Thuế khác</i>	-	2.052.242.000	2.052.242.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	92.953.973	92.953.973	-
<i>- Các khoản phí, lệ phí</i>	-	92.953.973	92.953.973	-
Cộng	2.455.780.364	16.765.753.141	18.333.356.097	888.177.408

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	294.332.941.357	11.919.535.314	94.174.297.295	272.690.909	4.176.031.575	404.875.496.450
Mua sắm mới	-	79.122.280.354	6.625.131.818	109.090.909	5.159.573.513	91.016.076.594
Số dư cuối năm	294.332.941.357	91.041.815.668	100.799.429.113	381.781.818	9.335.605.088	495.891.573.044
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	192.457.661.983	8.696.379.864	57.146.358.633	169.299.244	3.094.725.439	261.564.425.163
Trích khấu hao trong năm	18.557.372.605	1.330.349.324	10.776.346.645	43.531.508	722.798.464	31.430.398.546
Số dư cuối năm	211.015.034.588	10.026.729.188	67.922.705.278	212.830.752	3.817.523.903	292.994.823.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	83.317.906.769	81.015.086.480	32.876.723.835	168.951.066	5.518.081.185	202.896.749.335
Tại ngày đầu năm	101.875.279.374	3.223.155.450	37.027.938.662	103.391.665	1.081.306.136	143.311.071.287

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 30.384.855.249 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.953.966.531 VND).

Công ty đã thể chấp một số máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 90.338.983.835 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay này không còn số dư.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/Số có	Giá trị/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	2.236.835.700	2.559.671.400
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Đại Hoàng Gia	376.600.000	-
Các đối tượng khác	762.223.375	396.371.730
	3.375.659.075	2.956.043.130

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
	2.500.000.000	2.500.000.000

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	4.502.225	114.361.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.947.078.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.201.532.195	1.832.200.223
	1.206.034.420	3.893.639.223

.001
CÔ
.CH N
)EI
VIỆ
NG E

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	12.723.872.728	227.895.872.728
Lợi nhuận trong năm	-	19.865.627.660	19.865.627.660
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.908.580.909)	(1.908.580.909)
Công bố chi trả cổ tức	-	(10.758.600.000)	(10.758.600.000)
Số dư đầu năm nay	215.172.000.000	19.922.319.479	235.094.319.479
Lợi nhuận trong năm	-	20.941.825.071	20.941.825.071
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(2.979.844.149)	(2.979.844.149)
Chi trả cổ tức (i)	-	(16.783.416.000)	(16.783.416.000)
Số dư cuối năm nay	215.172.000.000	21.100.884.401	236.272.884.401

- (i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và công bố chi trả cổ tức 780 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 02 -17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn điều lệ của Công ty là 215.172.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông thực góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	109.737.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	38.941.560.000	18,10%	38.941.560.000	38.941.560.000
Ông Bùi Ngọc Yên	23.131.010.000	10,75%	23.131.010.000	23.131.010.000
Các cổ đông khác	43.361.710.000	20,15%	43.361.710.000	43.361.710.000
	215.172.000.000	100%	215.172.000.000	215.172.000.000

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	149.007.654.788	151.695.913.856
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	16.835.826.977	12.480.023.053
	165.843.481.765	164.175.936.909

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	110.268.876.599	112.991.043.483
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	14.443.152.078	14.230.513.700
	124.712.028.677	127.221.557.183

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.499.222.624	14.276.773.535
Chi phí nhân công	62.533.403.363	62.062.529.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.509.570.946	31.115.262.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.623.722.008	27.161.942.355
Chi phí khác bằng tiền	10.789.466.212	9.766.878.202
	141.955.385.153	144.383.386.542

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	172.727.273
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	1.112.107.744
Tiền phạt thu được	30.000.000	15.931.000
Các khoản khác	1.543.794.045	893.766.059
	1.573.794.045	2.194.532.076

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.768.850.294	8.043.750.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.744.417	866.395.547
Chi phí dự phòng	769.732.810	225.936.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.760.843	2.694.189.291
Chi phí bằng tiền khác	6.541.582.032	3.732.091.811
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	827.633.259	1.278.716.191
	17.947.303.655	16.841.080.036

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.051.677.450	24.897.955.574
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ thu nhập không chịu thuế	(619.665.400)	(57.594.794)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	117.249.845	321.278.791
Thu nhập chịu thuế	25.549.261.895	25.161.639.571
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.109.852.379	5.032.327.914
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.109.852.379	5.032.327.914

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.941.825.071	19.865.627.660
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(3.769.528.513)	(2.979.844.149)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.172.296.558	16.885.783.511
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	798	785

Trong năm 2017, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017. Do vậy, Công ty đã xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 là 785 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo năm 2016 là 923 VND/cổ phần) và tạm xác định quỹ khen thưởng, phúc lợi để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 theo kế hoạch trích của nghị quyết trên.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

Giao dịch với bên liên quan

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Công ty Cổ phần Lai dắt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò		
Mua hàng và dịch vụ	-	3.485.102.500
Bán hàng và dịch vụ	250.547.968	20.909.091
Góp vốn	-	4.860.000.000
Nhận cổ tức	619.665.400	-

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Trả cổ tức		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	8.559.542.160	5.486.886.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.984.519.680	-

Số dư với bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Lai dắt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	52.792.228	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	29.953.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc


	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.164.160.000	1.091.451.000


Nguyễn Thị Thanh Hồng
 Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Xuân Hùng
 Kế toán trưởng




Lê Doãn Long
 Tổng Giám đốc/
 Thành viên Hội đồng quản trị